

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI
VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013	15 - 39
8. Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp	40 - 45
9. Phụ lục 2: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	46 - 47
10. Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	48 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà Nước là Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa theo Quyết định số 1694/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án chuyển đổi và chuyển Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa thành Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200266808 ngày 9 tháng 9 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa. Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ, nguyên trạng tài sản của Công ty Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa tại thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 12 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 163.685.676.008 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: (84.58) 3821 227
Fax: (84.58) 3827 296

Các đơn vị trực thuộc

- Khu Nghỉ Mát Ana Mandara – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa
Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Trung Tâm Du Lịch Tictours – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa
Địa chỉ: 17B – Đường Hoàng Hoa Thám – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Điều hành tour du lịch; Đại lý du lịch;
- Du lịch lưu trú ngắn ngày (chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, Nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức các tour du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống (chi tiết : bán buôn đồ uống có cồn : Rượu, bia và đồ uống không có cồn); Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn gạo; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm và dụng cụ y tế);
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong cửa hàng chuyên doanh;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Đại lý hàng hóa, môi giới thương mại. Vận tải hành khách theo hợp đồng và theo tuyến cố định. Vận tải hành khách du lịch bằng đường bộ. Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Dịch vụ giặt là, giặt khô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Dịch vụ đại lý bán vé máy bay. Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Kinh doanh bất động sản. Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán trang thiết bị y tế. Bán lẻ rượu, bia. Đại lý lữ hành. Đại lý bán vé tàu hỏa, ô tô. Kinh doanh phát triển du lịch, điểm du lịch. Kinh doanh dịch vụ du lịch khác. Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

- Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khôi Nguyên (công ty con); Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin (công ty liên kết) và Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương (công ty liên kết);
- Công ty được giảm tiền thuê đất từ năm 2005 đến năm 2012 theo CV 5866/UBND-KT ngày 11 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc miễn, giảm tiền Thuê đất đối với Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara”. Khoản chi phí thuê đất này đã được dự phòng trong các năm tài chính trước nên được ghi nhận thu nhập khác trong năm nay, làm lợi nhuận trước thuế tăng 12.152.588.536 VND.

Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 50).

Tình hình phân phối lợi nhuận trong năm 2013 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	16.020.198.932
Trích Quỹ thưởng BQL điều hành	248.772.083
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.107.766.054
Nộp lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	36.934.854.000
Kết chuyển tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận còn lại năm 2012 sau khi hoàn trả vốn DA KDL Yersin (theo CV 3177/STC-ĐT ngày 15/08/2013 của STC)	2.131.883.195

(*) Công ty tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo tiêu chí doanh nghiệp loại A do năm 2013 chưa có kết quả xếp loại doanh nghiệp.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã bàn giao Khu nghỉ mát Ana Mandara để góp vốn thành lập Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa. Thời điểm bàn giao là 28 ngày 02 tháng năm 2014. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, các thủ tục bàn giao đang được thực hiện.

Ngoài sự kiện trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Long	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên	30 tháng 8 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	27 tháng 8 năm 2010	-
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên	27 tháng 8 năm 2010	-
Ông Lâm Duy Anh Cường	Thành viên	30 tháng 8 năm 2010	10 tháng 2 năm 2014

Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Minh Thành	Kiểm soát viên	07 tháng 11 năm 2011	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Chương	Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	-
Ông Lâm Duy Anh Cường	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	10 tháng 2 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 09 năm 2010	-
Bà Huỳnh Ngọc Lệ Diễm	Kế toán trưởng	15 tháng 01 năm 2013	-

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 4 năm 2014



Số: 086/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ Phần Thuận An đang được ghi nhận tại ngày kết thúc năm tài chính là 19.539.718.415 VND được xác định dựa trên theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty này, do đó Chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để đánh giá tính đầy đủ của khoản dự phòng đã được trích lập.
- Khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng (xem thuyết minh số V12) được xác định trên cơ sở mức tồn thất còn lại sau khi bù trừ nợ phải thu của công ty này với khoản nợ phải trả cho Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội (xem thuyết minh số V.11, V.22) do Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng và Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội có quan hệ nội bộ tại thời điểm phát sinh giao dịch. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, thỏa thuận bù trừ công nợ 3 bên giữa Công ty, Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng và Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội chưa được xác lập bằng văn bản, do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ý kiến về tình trạng của 2 khoản công nợ nêu trên cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty và đưa ra Báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 7 năm 2013 với kết luận Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà Nước. Số liệu năm 2012 trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty đã được điều chỉnh lại toàn bộ theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (xem Phụ lục 1, 2 và 3).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 14 tháng 4 năm 2014

Phan Thị Ngọc Trâm - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.726.855.084	194.492.761.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.331.115.465	108.158.646.977
1. Tiền	111		15.409.663.410	18.654.646.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.921.452.055	89.504.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.300.000.000	65.212.360.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	79.300.000.000	65.212.360.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.679.153.440	16.222.179.977
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	7.924.600.042	8.286.116.334
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	710.017.525	372.626.578
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.149.983.873	7.595.250.665
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(105.448.000)	(31.813.600)
IV. Hàng tồn kho	140		2.935.747.548	3.099.847.106
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.935.747.548	3.099.847.106
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.480.838.631	1.799.727.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	370.868.182	304.195.192
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		971.837.132	309.230.384
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	432.537	1.043.429.856
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	137.700.780	142.871.887

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.726.855.084	194.492.761.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120.331.115.465	108.158.646.977
1. Tiền	111		15.409.663.410	18.654.646.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.921.452.055	89.504.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.300.000.000	65.212.360.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	79.300.000.000	65.212.360.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.679.153.440	16.222.179.977
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	7.924.600.042	8.286.116.334
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	710.017.525	372.626.578
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.149.983.873	7.595.250.665
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(105.448.000)	(31.813.600)
IV. Hàng tồn kho	140		2.935.747.548	3.099.847.106
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.935.747.548	3.099.847.106
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.480.838.631	1.799.727.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	370.868.182	304.195.192
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		971.837.132	309.230.384
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	432.537	1.043.429.856
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	137.700.780	142.871.887

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		121.564.118.591	141.446.131.448
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.032.326.000	1.032.326.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.11	1.408.269.571	1.408.269.571
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.12	(375.943.571)	(375.943.571)
II. Tài sản cố định	220		25.752.087.421	32.885.147.155
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	25.727.167.434	31.516.365.278
<i>Nguyên giá</i>	222		84.386.806.550	89.738.638.889
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58.659.639.116)	(58.222.273.611)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	24.919.987	41.604.435
<i>Nguyên giá</i>	228		71.200.000	82.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(46.280.013)	(40.595.565)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	-	1.327.177.442
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.767.787.446	105.605.422.603
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	20.050.000.000	22.945.100.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	91.192.960.795	92.132.960.795
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	8.244.286.080	9.044.286.080
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(28.719.459.429)	(18.516.924.272)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.011.917.724	1.923.235.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	3.620.433.724	1.607.251.690
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	391.484.000	315.984.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.290.973.675	335.938.892.827

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		64.290.404.173	67.915.711.099
I. Nợ ngắn hạn	310		64.290.404.173	67.915.711.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.22	6.257.387.376	7.493.123.068
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	10.793.027.734	7.856.948.469
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	17.003.673.403	14.990.266.200
5. Phải trả người lao động	315	V.25	9.027.156.355	7.676.129.884
6. Chi phí phải trả	316	V.26	1.193.584.985	13.003.851.641
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	3.818.604.295	589.133.413
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	16.196.970.025	16.306.258.424
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.000.569.502	268.023.181.728
I. Vốn chủ sở hữu	410		276.000.569.502	268.023.181.728
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	163.685.676.008	163.685.676.008
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	39.832.146.423	350.193.459
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	-	24.508.277.580
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	72.482.747.071	79.479.034.681
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	V.29	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.290.973.675	335.938.892.827

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	V.30	2.091.738.435	2.192.058.627
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		902.599,00	966.995,69
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67.795.206.806	43.431.537.457
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13, V.14	5.033.231.983	4.245.673.841
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.19	10.276.169.557	(1.032.326.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(16.646.329)	86.141.584
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4	(28.940.986.388)	(21.406.989.557)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.146.975.629	25.324.037.325
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		848.059.006	58.560.890.372
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		164.099.558	(89.216.468)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.955.870.013)	(22.041.776.979)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(786.547.753)	621.647.400
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(12.570.809.278)	(16.134.954.458)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.28	57.600.000	5.824.747
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.28	(4.870.674.281)	(1.922.748.702)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.032.832.868	44.323.703.237
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13	(520.656.962)	(11.145.927.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	816.309.089
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(14.087.640.000)	(154.981.800.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.18	800.000.000	84.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.16, V.17, VI.3	9.165.041.909	12.026.574.872
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	24.827.597.236	14.003.185.357
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.184.342.183	(54.981.658.156)

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(2.131.883.195)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(36.934.854.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.066.737.195)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.150.437.856	(10.657.954.919)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	108.158.646.977	118.872.835.884
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.030.632	(56.233.988)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	120.331.115.465	108.158.646.977

Nhà Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH MTV Nhà Nước
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khách sạn - Du lịch
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 303 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 304 nhân viên)
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
 - Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Khôi Nguyên (công ty con); Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin (công ty liên kết) và Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương (công ty liên kết);
 - Công ty được giảm tiền thuê đất từ năm 2005 đến năm 2012 theo công văn 5866/UBND-KT ngày 11 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc miễn, giảm tiền Thuê đất đối với Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara”. Khoản chi phí thuê đất này đã được dự phòng trong các năm tài chính trước nên được ghi nhận thu nhập khác trong năm nay, làm lợi nhuận trước thuế tăng 12.152.588.536 VND (xem thuyết minh số V.7).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai định kỳ đối với mặt hàng thực phẩm và theo phương pháp kê khai thường xuyên đối với các hàng tồn kho khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị đồ dùng quản lý	3 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 36 tháng đến 60 tháng

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 tháng đến 48 tháng

Các chi phí khác

Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.790 VND/USD
31/12/2013 : 21.059 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	631.637.374	668.784.817
Tiền gửi ngân hàng	14.728.756.686	17.910.560.620
Tiền đang chuyển	49.269.350	75.301.540
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	104.921.452.055	89.504.000.000
Cộng	<u>120.331.115.465</u>	<u>108.158.646.977</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng tại các Ngân hàng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Nha Trang	40.200.000.000	41.712.360.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	14.500.000.000	21.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TpHCM	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương	2.500.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Nha Trang	2.100.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>79.300.000.000</u>	<u>65.212.360.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn	7.566.563.042	7.887.476.334
Phải thu khách hàng hoạt động du lịch	298.037.000	338.640.000
Phải thu từ các hoạt động khác	60.000.000	60.000.000
Cộng	<u>7.924.600.042</u>	<u>8.286.116.334</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước người bán phục vụ hoạt động khách sạn	505.128.901	265.977.462
Trả trước người bán phục vụ hoạt động du lịch	112.428.921	84.649.116
Trả trước người bán cho các hoạt động khác	92.459.703	22.000.000
Cộng	<u>710.017.525</u>	<u>372.626.578</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	30.796.465	-
Công ty Cổ phần Thuận An	1.446.883.145	1.333.830.753
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.029.826.243	1.462.735.111
Khu nghỉ mát Hideaway Ninh Vân Bay	850.897.400	780.159.089
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	423.303.735	415.225.079
Công ty Cổ phần Khôi Nguyên - phải thu cổ tức	-	1.013.285.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Nha Trang - phải thu cổ tức	-	765.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương - phải thu cổ tức	-	360.000.000
Các khoản phải thu khác	368.276.885	1.465.015.633
Cộng	<u>6.149.983.873</u>	<u>7.595.250.665</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi		
Khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 3 năm. Biến động khoản trích lập dự phòng trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	31.813.600	22.724.000
Trích lập trong năm	73.634.400	9.089.600
Số cuối năm	<u>105.448.000</u>	<u>31.813.600</u>
7. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.175.240.566	196.931.085
Công cụ, dụng cụ tồn kho	499.484.769	2.657.117.514
Hàng hóa tồn kho	261.022.213	245.798.507
Cộng	<u>2.935.747.548</u>	<u>3.099.847.106</u>
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	35.078.651
Chi phí thuê nhà	29.700.000	4.500.000
Chi phí bảo hiểm	24.011.560	24.124.634
Chi phí khác	317.156.622	240.491.907
Cộng	<u>370.868.182</u>	<u>304.195.192</u>
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa		
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	100.427.077
Tạm ứng	120.932.780	42.444.810
Các khoản ký quỹ, ký cược	16.768.000	-
Cộng	<u>137.700.780</u>	<u>142.871.887</u>
11. Phải thu dài hạn khách hàng		
Khoản phải thu Xí nghiệp 7 – Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng. Khoản phải thu này đã quá hạn trên 3 năm và đã được lập dự phòng (xem thuyết minh V.12).		
12. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
Dự phòng khoản phải thu Xí nghiệp 7 – Công ty Cổ phần Lắp Máy Điện Nước và Xây Dựng.		

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.139.038.562	18.805.522.854	6.689.544.048	1.946.883.753	1.157.649.672	89.738.638.889 ✓
Mua sắm mới	-	168.922.705	-	37.554.545	313.798.857	520.276.107
Tăng khác	380.855	-	-	-	-	380.855
Phân loại sang công cụ dụng cụ	(29.463.075)	(3.736.280.886)	-	(902.273.906)	(1.204.471.434)	(5.872.489.301)
Số cuối năm	61.109.956.342	15.238.164.673	6.689.544.048	1.082.164.392	266.977.095	84.386.806.550 ✕
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.629.833.131	13.726.078.538	359.913.500	861.550.702	184.977.095	16.762.352.966
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	35.740.689.525	17.393.699.065	2.668.998.988	1.557.019.478	861.866.555	58.222.273.611 ✓
Trích khấu hao	3.493.822.474	370.590.317	995.846.928	101.574.524	57.157.736	5.018.991.979
Phân loại sang công cụ dụng cụ	(5.737.665)	(3.218.672.635)	-	(639.568.982)	(717.647.192)	(4.581.626.474)
Số cuối năm	39.228.774.334	14.545.616.747	3.664.845.916	1.019.025.020	201.377.099	58.659.639.116 ✕
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	25.398.349.037	1.411.823.789	4.020.545.060	389.864.275	295.783.117	31.516.365.278 ✓
Số cuối năm	21.881.182.008	692.547.926	3.024.698.132	63.139.372	65.599.996	25.727.167.434 ✕
<i>Trong đó:</i>						
- Tam thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là bản quyền phần mềm kế toán. Phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	82.200.000	40.595.565	41.604.435
Khấu hao trong năm	-	14.240.004	-
Phân loại sang công cụ dụng cụ	(11.000.000)	(8.555.556)	-
Số cuối năm	71.200.000	46.280.013	24.919.987

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
XDCB dở dang	1.327.177.442	5.482.000	(1.332.659.442)	-
- Khu du lịch Yersin Hòn Bà	1.327.177.442	5.482.000	(1.332.659.442)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Cộng	1.327.177.442	5.482.000	(1.332.659.442)	-

16. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu ^(a)	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Khôi Nguyên ^(b)	-	-	289.510	2.895.100.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang ^(c)	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
Cộng		20.050.000.000		22.945.100.000

^(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200754114 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31 tháng 5 năm 2008, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu 17.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

^(b) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Khôi Nguyên.

^(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000188 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 10 tháng 01 năm 2006, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang 2.550.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Thuận An ^(a)	2.450.000	24.618.560.000	2.450.000	24.618.560.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An ^(b)	2.250.000	22.500.000.000	2.250.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Việt ^(c)	3.807.760	43.624.400.000	3.807.760	43.624.400.000
Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông ^(d)	4.500	450.000.795	4.500	450.000.795
Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương ^(e)	-	-	90.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin ^(f)	-	-	4.000	40.000.000
Cộng		91.192.960.795		92.132.960.795

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300389978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp ngày 16 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25 tháng 01 năm 2011, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Thuận An 24.500.000.000 VND, tương đương tương 29,88% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký với giá trị phần vốn đã góp là 24.618.560.000 VND.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000112 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 7 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4200571417 ngày 30 tháng 08 năm 2010 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (do Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An thay đổi trụ sở chính), Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An 22.500.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký.

(c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000091 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 08 tháng 4 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh đến lần thứ hai ngày 5 tháng 10 năm 2006, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Tân Việt 38.077.600.000 VND, tương đương 38,08% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký với giá trị phần vốn đã góp là 43.624.400.000 VND.

(d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000225 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006, Công ty đăng ký góp vốn vào Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông 9.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 450.000.795 VND. Hiện nay dự án này đã bị thu hồi giấy phép đầu tư do triển khai không đúng tiến độ.

(e) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Dương.

(f) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Các khoản đầu tư cổ phiếu		8.244.286.080		8.244.286.080
- Công ty Cổ phần Việt Tín	6.300	6.844.286.080	6.300	6.844.286.080
- Công ty Cổ phần Quản Lý Quy Hoạch và Phát Triển Cơ Sở Hạ Tầng Lăng Cô Huế	140.000	1.400.000.000	140.000	1.400.000.000
Cho vay dài hạn - Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An		-		800.000.000
Cộng		8.244.286.080		9.044.286.080

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	27.452.847.917	17.278.536.836
- Công ty Cổ phần Thuận An	19.539.718.415	8.775.053.246
- Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	7.913.129.503	8.473.595.865
- Công ty Cổ phần Du Lịch Yersin	-	26.619.831
- Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông	-	3.267.894
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác	1.266.611.511	1.238.387.436
- Công ty Việt Tin	1.266.611.511	1.238.387.436
Cộng	<u>28.719.459.429</u>	<u>18.516.924.272</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.516.924.272	13.042.349.400
Dự phòng bổ sung	10.792.889.244	5.474.574.872
Hoàn nhập dự phòng	(590.354.087)	-
Cộng	<u>28.719.459.429</u>	<u>18.516.924.272</u>

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.079.844.478	3.378.774.649	(1.453.087.658)	3.005.531.469
Giá trị đầu tư dự án Khu du lịch Yersin Hòn Bà	-	1.312.239.806	(1.312.239.806)	-
Chi phí khác	527.407.212	513.191.077	(425.696.034)	614.902.255
Cộng	<u>1.607.251.690</u>	<u>5.204.205.532</u>	<u>(3.191.023.498)</u>	<u>3.620.433.724</u>

21. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội	1.032.326.000	1.032.326.000
Sustainable Luxury Mauritius Limited	942.746.989	1.470.960.691
Công ty Cổ phần Khôi Nguyên	209.643.191	173.895.418
Các nhà cung cấp khác	4.072.671.196	4.815.940.959
Cộng	<u>6.257.387.376</u>	<u>7.493.123.068</u>

23. Người mua trả tiền trước

Khoản khách hàng trả trước hoặc đặt cọc để sử dụng dịch vụ khách sạn.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	617.264.009	11.803.757.242	(11.609.245.797)	811.775.454
Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.890.073	202.467.784	(171.979.828)	42.378.029
Thuế xuất, nhập khẩu	(432.537)	25.765.453	(25.765.453)	(432.537)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.042.997.319)	16.122.795.955	(12.570.809.278)	2.508.989.358
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	(1.376.225.072)	14.394.543.700	(10.899.207.124)	2.119.111.504
- Thuế TNDN từ quỹ phí phục vụ	333.227.753	1.728.252.255	(1.671.602.154)	389.877.854
Thuế thu nhập cá nhân	1.139.526.468	2.360.520.674	(3.247.589.171)	252.457.971
Thuế tài nguyên	612.000	7.344.000	(7.344.000)	612.000
Tiền thuế đất	12.947.971.725	3.396.909.300	(3.080.019.400)	13.264.861.625
Thuế sử dụng đất phi NN	-	96.555.713	(96.555.713)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Thuế nhà thầu	226.081.925	1.719.144.961	(1.829.895.420)	115.331.466
- Thuế GTGT	74.909.031	627.702.629	(662.500.050)	40.111.610
- Thuế TNDN	151.172.894	1.091.442.332	(1.167.395.370)	75.219.856
Phí bảo vệ môi trường	46.920.000	134.130.000	(173.782.500)	7.267.500
Cộng	13.946.836.344	35.874.391.082	(32.817.986.560)	17.003.240.866

Thuế nộp thừa được trình bày tại chi tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà Nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng dịch vụ khách sạn, du lịch, vận chuyển, nhượng bán phế liệu là 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho dịch vụ massage với thuế suất là 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Toàn bộ doanh thu phí phục vụ được chi trả cho người lao động (sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp). Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí phục vụ được nộp cho ngân sách từ quỹ phí phục vụ nên Báo cáo tài chính của Công ty không ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp này.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh dự tính phải nộp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.795.206.806	43.431.537.457
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(10.217.032.005)	114.328.724
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.531.029.210	3.587.935.314
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.748.061.215)	(3.473.606.590)
Thu nhập tính thuế	57.578.174.801	43.545.866.181

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.394.543.700	10.886.466.545
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	816.198.198
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.394.543.700	11.702.664.743

Tiền thuê đất

Công ty phải trả tiền thuê đất, mặt biển theo Hợp đồng thuê đất và mặt biển số 06/2005 ngày 21 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty và Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa cho diện tích đất và mặt biển 20.166 m² tại vùng Hải Dương – Đường Trần Phú – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa (khách sạn Ana Mandara). Thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 11 năm 2002 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Giá thuê mặt biển là 4.500.000 VND/năm. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2005, giá thuê đất được áp dụng theo giá quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương năm 2013 được xác định theo 2 giai đoạn: 4 tháng đầu năm 2013 và 8 tháng cuối năm 2013 theo các quy định về xác định quỹ tiền lương tại Công ty TNHH MTV Nhà Nước. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý doanh nghiệp trong cả năm 2013 là 1.990.176.667 VND; Quỹ tiền lương của người lao động trong cả năm 2013 là 25.559.196.875 VND. Chi tiết như sau:

	Quỹ tiền lương viên chức quản lý	Quỹ tiền lương người lao động	Cộng
Số đầu năm	-	7.676.129.884	7.676.129.884
Điều chuyển nguồn	833.627.705	(833.627.705)	-
Trích lập trong năm	1.990.176.667	25.559.196.875	27.549.373.542
Đã chi trong năm	(2.974.556.144)	(23.223.790.927)	(26.198.347.071)
Số cuối năm	(150.751.772)	9.177.908.127	9.027.156.355

26. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, mặt biển	-	12.452.608.024
Lương năng suất người nước ngoài	332.353.138	160.028.310
Chi phí quảng bá (thông qua bản pháo hoa)	642.938.000	-
Chi phí khác	218.293.847	391.215.307
Cộng	1.193.584.985	13.003.851.641

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	17.509.600	2.412.090
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.177.050.153	-
Công ty Cổ phần Đại Thuận - tiền đặc cọc dự thầu	225.000.000	-
Các khoản phải trả khác	1.399.044.542	586.721.323
Cộng	3.818.604.295	589.133.413

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quỹ			Quỹ điều hành			Quỹ phi phục vụ			Cộng		
	khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Quỹ điều hành	Quỹ phi phục vụ	Cộng	Quỹ điều hành	Quỹ phi phục vụ	Cộng	Quỹ điều hành	Quỹ phi phục vụ	Cộng
28. Quỹ khen thưởng phúc lợi												
Số đầu năm	8.606.519.366	4.822.869.985	617.328.639	617.328.639	2.259.540.434	16.306.258.424						
Trích quỹ lợi nhuận sau thuế	1.832.329.816	4.275.436.238	248.772.083	248.772.083	-	6.356.538.137						
Trích từ phí phục vụ trong năm	-	-	-	-	6.913.009.016	6.913.009.016						
Tặng khác	-	57.600.000	-	-	-	57.600.000						
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ quỹ phi phục vụ phải nộp	-	-	-	-	(1.728.252.255)	(1.728.252.255)						
Điều chuyển nguồn	(934.668.003)	-	934.668.003	934.668.003	-	-						
Chi quỹ trong năm	(3.664.669.178)	(1.641.183.372)	(249.500.000)	(249.500.000)	(6.152.830.747)	(11.708.183.297)						
Số cuối năm	5.839.512.001	7.514.722.851	1.551.268.725	1.551.268.725	1.291.466.448	16.196.970.025						
29. Vốn chủ sở hữu												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu												
Số đầu năm trước	163.685.676.008	350.193.459	20.471.920.374	20.471.920.374	55.051.031.107	239.558.820.948						
Lợi nhuận sau thuế trong năm trước	-	-	-	-	31.728.872.714	31.728.872.714						
Điều chỉnh theo TB xử lý KL. Thanh tra 8/8/12 của UB tính & CV 148/TMDT 15/10/12)	-	-	(1.862.801)	(1.862.801)	1.862.801	-						
Điều chỉnh quỹ KT - PL theo TB xử lý KL Thanh tra 8/8/12 của UB tính & CV 148/TMDT 15/10/12)	-	-	-	-	2.935.463.096	2.935.463.096						
Phân phối quỹ	-	-	4.038.220.007	4.038.220.007	(4.038.220.007)	-						
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH	-	-	-	-	(6.199.975.030)	(6.199.975.030)						
Số dư cuối năm trước	163.685.676.008	350.193.459	24.508.277.580	24.508.277.580	79.479.034.681	268.023.181.728						

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	163.685.676.008	350.193.459	24.508.277.580	79.479.034.681	268.023.181.728
Lợi nhuận sau thuế trong năm nay	-	-	-	53.400.663.106	53.400.663.106
Trích quỹ bằng 30% lợi nhuận	-	16.020.198.932	-	(16.020.198.932)	-
Điều chỉnh trích lập quỹ trong năm 2012	-	-	(1.046.523.548)	1.046.523.548	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH (*)	-	-	-	(6.356.538.137)	(6.356.538.137)
Nộp lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	(36.934.854.000)	(36.934.854.000)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận còn lại năm 2012 sau khi hoàn trả vốn DA KDL Yersin (theo CV 3177/STC-DT ngày 15/08/2013 của STC)	2.131.883.195	-	-	(2.131.883.195)	-
Nộp trả Ngân sách NN chênh lệch vốn cấp dự án KDL Yersin	(2.131.883.195)	-	-	-	(2.131.883.195)
Kết chuyển quỹ	-	23.461.754.032	(23.461.754.032)	-	-
Số dư cuối năm nay	163.685.676.008	39.832.146.423	-	72.482.747.071	276.000.569.502

(*) Công ty tạm trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thường Ban điều hành theo tiêu chí doanh nghiệp loại A do năm 2013 chưa có kết quả xếp loại doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**30. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sản phẩm ngọc trai của Ông Lưu Đình Nhựt	1.032.309.740	1.049.899.740
Sản phẩm của Công ty Việt An Phong	267.000.600	340.168.200
Khách hàng khác	792.428.095	801.990.687
Cộng	<u>2.091.738.435</u>	<u>2.192.058.627</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	158.212.246.498	152.134.539.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	202.467.784	172.251.606
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>202.467.784</i>	<i>172.251.606</i>
Doanh thu thuần	<u>158.009.778.714</u>	<u>151.962.287.578</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu phòng ngủ	91.704.994.317	82.357.380.707
Doanh thu hàng ăn uống	33.251.031.481	33.802.191.544
Doanh thu dịch vụ thẩm mỹ	4.897.987.669	5.943.208.309
Doanh thu phí phục vụ	6.913.009.016	6.600.815.056
Doanh thu bán hàng lưu niệm	2.216.697.416	2.833.097.143
Doanh thu dịch vụ massage	497.327.298	548.432.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ lữ hành	11.667.850.472	7.535.682.040
Doanh thu bán vé máy bay	1.884.962.301	475.029.256
Doanh thu cung cấp các dịch vụ khác	4.975.918.744	11.866.450.595

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu trực tiếp, giá mua hàng hóa	11.846.089.183	12.023.678.933
Chi phí nhân công trực tiếp	15.779.870.136	14.720.302.223
Chi phí cung cấp dịch vụ lữ hành	8.397.676.687	6.763.068.249
Chi phí chung	28.097.181.083	32.067.083.713
Cộng	<u>64.120.817.089</u>	<u>65.574.133.118</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	13.046.045.021	13.933.196.069
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	169.715.051	188.414.710
Cổ tức, lợi tức được chia	11.748.061.215	6.245.606.590
Doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu	5.444.051.000	16.177.468
Lãi ký quỹ	4.069.898	224.789.000
Lãi cho vay	33.491.000	126.616.204
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	385.319.352	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác		8.988.364
Cộng	<u>30.830.752.537</u>	<u>20.743.788.405</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	10.202.535.156	5.474.574.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	299.193.047	382.267.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	104.827.307
Chi phí chuyển nhượng cổ phiếu	114.109.091	-
Chi phí tài chính khác	12.422.270	55.568.182
Cộng	<u>10.628.259.564</u>	<u>6.017.237.524</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.696.193.965	1.387.678.381
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	80.503.437	6.596.982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.127.909	9.346.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.986.258	725.509.634
Chi phí khác	8.347.162.088	6.520.819.879
Cộng	<u>11.102.973.657</u>	<u>8.649.951.088</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	18.532.184.682	15.840.443.395
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.621.150.103	183.337.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.155.616	472.067.752
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	13.634.400	(870.664.133)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.759.306.069	12.330.397.989
Chi phí khác bằng tiền	15.781.383.543	16.284.142.476
Cộng	<u>47.340.814.413</u>	<u>44.239.724.826</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất được giảm	12.152.588.536	-
Thù lao người đại diện góp vốn	254.090.000	218.110.000
Thanh lý tài sản cố định	56.972.727	816.309.089
Thu nhập từ xử lý công nợ	66.257.841	441.298.170
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	331.686.169
Thu nhập khác	466.799.213	115.874.677
Cộng	<u>12.996.708.317</u>	<u>1.923.278.105</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)



8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	39.093.334	10.314.000
Chi nộp phạt chậm, truy thu thuế	33.647.587	
Tiền thuê đất phải nộp năm 2011, 2012	262.571.162	6.210.862.500
Chi thù lao người đại diện góp vốn	254.090.000	218.110.000
Chi phí khác	259.765.955	277.483.575
Cộng	<u>849.168.038</u>	<u>6.716.770.075</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.610.882.751	27.452.545.386
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	21.859.374.108	19.170.848.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.013.503.272	4.357.686.069
Thuế, Phí và lệ phí	2.952.419.508	5.904.845.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.510.251.920	18.313.057.006
Chi phí khác	13.634.400	(1.023.236.400)
Chi phí khác bằng tiền	41.604.539.200	44.288.062.502
Cộng	<u>122.564.605.159</u>	<u>118.463.809.032</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Công ty có các cam kết đảm bảo thanh toán các hợp đồng vay tại các bên liên quan khác như sau:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Suối Dầu tại Quỹ Đầu Tư Phát Triển Khánh Hòa:
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2007/HĐTD ngày 31/12/2007 với số tiền vay là 19.760.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 144 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bởi hợp đồng bảo hiểm tiền vay số 06/2007/HĐTCTS - TL ngày 31/12/2007 giữa Ngân hàng Phát Triển Việt Nam và Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.
 - Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 05/2009/HĐTD ngày 05/08/2009. Mục đích đầu tư cho dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Suối Dầu giai đoạn 2, với tổng mức vốn đầu tư là 71.690.000.000 VND. Số tiền vay là 6.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 114 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Nha Trang theo hợp đồng số 02/NHNT-TA ngày 27/02/2007 và các Phụ lục đính kèm để thanh toán chi phí thi công, xây dựng, mua sắm trang thiết bị và lãi vay ngân hàng trong thời gian xây dựng dự án khu nghỉ mát Ana Mandara Villas Đà Lạt. Khoản vay này được đảm bảo thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay bao gồm toàn bộ các công trình kiến trúc, tài sản gắn liền với công trình và tài sản gắn liền với hoạt động của khu nghỉ mát và thế chấp quyền đối với vốn góp của các cổ đông trong Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An. Công ty cam kết bảo lãnh với số tiền cam kết là 500.000.00 USD.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đã bàn giao Khu nghỉ mát Ana Mandara để góp vốn thành lập Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa. Thời điểm bàn giao là 28 ngày 02 tháng năm 2014. Tại thời điểm lập Báo cáo này, các thủ tục bàn giao đang được thực hiện.

Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa được thành lập bởi Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu Tư Khánh Hòa và Sovico Holdings. Tỷ lệ góp vốn của các bên lần lượt là 35% và 65%.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp được hưởng theo quy chế của Công ty.

Giao dịch với Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã hoàn trả vốn dự án Khu Du Lịch Yersin theo công văn 3177/STC-ĐT ngày 15/08/2013 của Sở Tài Chính Khánh Hòa cho chủ sở hữu với số tiền 2.131.883.195 VND và chuyển lợi nhuận về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp SCIC với số tiền 36.934.854.000 VND (trong đó từ lợi nhuận năm 2010 là 26.934.854.000 VND và năm 2013 là 10.000.000.000 VND) (xem thuyết minh số V.29).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu (Sudazi)	Công ty con, Công ty sở hữu 70% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang	Công ty con, Công ty sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tân Việt	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 38,08% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thuận An	Công ty liên kết, Công ty sở hữu 29,878% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du Lịch và Khách Sạn Rạng Đông	Công ty liên kết, Công ty đăng ký sở hữu 30% vốn điều lệ

Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<u>Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Suối Dầu</u>		
Công ty nhận cổ tức bằng tiền	1.050.000.000	-
<u>Công ty Cổ phần Khách sạn Nha Trang</u>		
Cổ tức được nhận	-	765.000.000
Công ty nhận cổ tức năm trước bằng tiền	765.000.000	-
<u>Công ty Cổ phần Tân Việt</u>		
Công ty nhận cổ tức bằng tiền	10.518.061.215	1.332.716.000

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<u>Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An</u>	-	-
Lãi cho vay được nhận	60.598.397	224.789.000
Phí sử dụng thương hiệu Ana Mandara	87.460.306	190.436.079
<u>Công ty Cổ phần Thuận An</u>	-	-
Phí quản lý được nhận	527.665.343	581.202.001
Phí sử dụng thương hiệu Ana Mandara	156.927.741	250.179.404

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Các khoản phải thu</u>		
Công ty Cổ phần Thuận An	1.446.883.145	1.333.830.753
Công ty Cổ phần Phát Triển Du Lịch Tân An	423.303.735	415.225.079
Công ty Cổ phần Khách Sạn Nha Trang	-	765.000.000
Cộng	<u>1.870.186.880</u>	<u>2.514.055.832</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Các sai sót

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII kiểm toán.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước được trình bày ở Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế với các qui định chặt chẽ về các hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty liên kết vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.331.115.465	-	120.331.115.465
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.300.000.000	-	79.300.000.000
Phải thu khách hàng	7.924.600.042	1.408.269.571	9.332.869.613
Các khoản cho vay	-	-	-
Các khoản phải thu khác	6.452.787.873	105.448.000	6.558.235.873
Cộng	214.008.503.380	1.513.717.571	215.522.220.951
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.158.646.977	-	108.158.646.977
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.212.360.000	-	65.212.360.000
Phải thu khách hàng	8.286.116.334	1.408.269.571	9.694.385.905
Các khoản cho vay	800.000.000	-	800.000.000
Các khoản phải thu khác	7.865.786.665	45.448.000	7.911.234.665
Cộng	190.322.909.976	1.453.717.571	191.776.627.547

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống, Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	6.257.387.376	7.493.123.068
Các khoản phải trả khác	4.662.326.542	13.430.544.654
Cộng	<u>10.919.713.918</u>	<u>20.923.667.722</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro ngoại tệ.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.331.115.465	-	108.158.646.977	-	120.331.115.465	108.158.646.977
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	79.300.000.000	-	65.212.360.000	-	79.300.000.000	65.212.360.000
Phải thu khách hàng	9.332.869.613	(375.943.571)	9.694.385.905	(375.943.571)	8.956.926.042	9.318.442.334
Các khoản cho vay	-	-	800.000.000	-	-	800.000.000
Các khoản phải thu khác	6.558.235.873	(31.813.600)	7.911.234.665	(105.448.000)	6.526.422.273	7.805.786.665
Cộng	<u>215.522.220.951</u>	<u>(407.757.171)</u>	<u>191.776.627.547</u>	<u>(481.391.571)</u>	<u>215.114.463.780</u>	<u>191.295.235.976</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	6.257.387.376	7.493.123.068	6.257.387.376	7.493.123.068
Các khoản phải trả khác	4.662.326.542	13.430.544.654	4.662.326.542	13.430.544.654
Cộng	10.919.713.918	20.923.667.722	10.919.713.918	20.923.667.722

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

		Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước		Điều chỉnh các sai sót		Số liệu sau điều chỉnh	
		Mã số	Số liệu	Điều chỉnh	Số liệu	Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN							
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN							
I. Tiền và các khoản tương đương tiền							
1.	Tiền	100	192.959.397,268	1.533.364,111	194.492.761,379		
2.	Các khoản tương đương tiền	110	108.158.646,977	-	108.158.646,977		
		111	18.654.646,977	-	18.654.646,977		
		112	89.504.000,000	-	89.504.000,000		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn							
1.	Đầu tư ngắn hạn	120	65.212.360,000	-	65.212.360,000		
		121	65.212.360,000	-	65.212.360,000		
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-	-	-		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn							
1.	Phải thu khách hàng	130	15.779.786,694	442.393,283	16.222.179,977		
		131	8.286.116,334	-	8.286.116,334		
2.	Trả trước cho người bán	132	372.626,578	-	372.626,578		
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-		
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-		
5.	Các khoản phải thu khác	135	7.152.857,382	442.393,283	7.595.250,665		
		139	(31.813,600)	-	(31.813,600)		
IV. Hàng tồn kho							
1.	Hàng tồn kho	140	3.099.847,106	-	3.099.847,106		
		141	3.099.847,106	-	3.099.847,106		
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-	-		

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
V.	Tài sản ngắn hạn khác		
150	708.756.491	1.090.970.828	1.799.727.319
151	304.195.192	-	304.195.192
152	261.256.875	47.973.509	309.230.384
154	432.537	1.042.997.319	1.043.429.856
157	-	-	-
158	142.871.887	-	142.871.887
200	140.413.805.448	1.032.326.000	141.446.131.448
I.	Các khoản phải thu dài hạn		
210	-	1.032.326.000	1.032.326.000
211	1.408.269.571	-	1.408.269.571
212	-	-	-
213	-	-	-
218	-	-	-
219	(1.408.269.571)	1.032.326.000	(375.943.571)
II.	Tài sản cố định		
220	32.885.147.155	-	32.885.147.155
221	31.516.365.278	-	31.516.365.278
222	89.738.638.889	-	89.738.638.889
223	(58.222.273.611)	-	(58.222.273.611)
224	-	-	-
225	-	-	-
226	-	-	-
227	41.604.435	-	41.604.435
228	82.200.000	-	82.200.000
229	(40.595.565)	-	(40.595.565)
230	1.327.177.442	-	1.327.177.442
3.	Tài sản cố định hữu hình		
	<i>Nguyên giá</i>		
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
4.	Tài sản cố định vô hình		
	<i>Nguyên giá</i>		
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
TÀI SẢN				
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
Nguyên giá	241	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	105.605.422.603	-	105.605.422.603
1. Đầu tư vào công ty con	251	22.945.100.000	-	22.945.100.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	92.132.960.795	-	92.132.960.795
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.044.286.080	-	9.044.286.080
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(18.516.924.272)	-	(18.516.924.272)
V. Tài sản dài hạn khác	260	1.923.235.690	-	1.923.235.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.607.251.690	-	1.607.251.690
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	315.984.000	-	315.984.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	333.373.202.716	2.565.690.111	335.938.892.827

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
A - NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn	56.696.693.629	11.219.017.470	67.915.711.099
1. Vay và nợ ngắn hạn	56.696.693.629	-	67.915.711.099
2. Phải trả người bán	7.493.123.068	-	7.493.123.068
3. Người mua trả tiền trước	7.856.948.469	-	7.856.948.469
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.685.738.462	11.304.527.738	14.990.266.200
5. Phải trả người lao động	7.676.129.884	-	7.676.129.884
6. Chi phí phải trả	13.003.851.641	-	13.003.851.641
7. Phải trả nội bộ	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	589.133.413	-	589.133.413
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.391.768.692	(85.510.268)	16.306.258.424
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-
II. Nợ dài hạn			
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

		NGUỒN VỐN		
Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	
400	276.676.509.087	(8.653.327.359)	268.023.181.728	
I.	Vốn chủ sở hữu			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	(8.653.327.359)	268.023.181.728	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	-	163.685.676.008	
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	
4.	Cổ phiếu quỹ	-	-	
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	
7.	Quỹ đầu tư phát triển	-	350.193.459	
8.	Quỹ dự phòng tài chính	-	24.508.277.580	
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.653.327.359)	79.479.034.681	
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	
12.	Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp	-	-	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1.	Nguồn kinh phí	-	-	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-	
440	333.373.202.716	2.565.690.111	335.938.892.827	

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	2.192.058.627	-	2.192.058.627
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)	966.995,69	-	966.995,69
6. Dự toán chỉ sự nghiệp, dự án	-	-	-

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Mã số	CHỈ TIÊU	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Đơn vị tính: VND	
			Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.134.539.184	-	152.134.539.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	172.251.606	-	172.251.606
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.962.287.578	-	151.962.287.578
11	4. Giá vốn hàng bán	59.453.388.215	6.120.744.903	65.574.133.118
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.508.899.363	(6.120.744.903)	86.388.154.460
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.521.227.294	222.561.111	20.743.788.405
22	7. Chi phí tài chính	6.017.237.524	-	6.017.237.524
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-
24	8. Chi phí bán hàng	8.606.019.420	43.931.668	8.649.951.088
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.129.573.499	(889.848.673)	44.239.724.826
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53.277.296.214	(5.052.266.787)	48.225.029.427

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Mã số	CHỈ TIÊU	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
31	Thu nhập khác	1.923.278.105	-	1.923.278.105
32	Chi phí khác	231.267.050	6.485.503.025	6.716.770.075
40	Lợi nhuận khác	1.692.011.055	(6.485.503.025)	(4.793.491.970)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.969.307.269	(11.537.769.812)	43.431.537.457
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.587.107.196	(2.884.442.453)	11.702.664.743
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.382.200.073	(8.653.327.359)	31.728.872.714
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Handwritten signature

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Handwritten signature

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế				
01	54.969.307.269	(11.537.769.812)	43.431.537.457	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	-	4.245.673.841	4.245.673.841
-	Các khoản dự phòng	(1.032.326.000)	-	(1.032.326.000)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	86.141.584	86.141.584
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(222.561.111)	(21.406.989.557)	(21.406.989.557)
-	Chi phí lãi vay	-	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	(12.792.656.923)	38.116.694.248	25.324.037.325
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	(165.769.192)	58.726.659.564	58.560.890.372
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	-	(89.216.468)	(89.216.468)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	13.038.823.393	(35.080.600.372)	(22.041.776.979)
-	Tiền lãi vay đã trả	-	621.647.400	621.647.400
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(16.134.954.458)	(16.134.954.458)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	5.824.747	5.824.747
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(80.397.278)	(1.842.351.424)	(1.922.748.702)
20	44.323.703.237	-	44.323.703.237	44.323.703.237

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(11.145.927.474)	-	(11.145.927.474)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	816.309.089	-	816.309.089
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(154.981.800.000)	-	(154.981.800.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	83.100.000.000	1.200.000.000	84.300.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	12.026.574.872	-	12.026.574.872
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.003.185.357	-	14.003.185.357
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(54.981.658.156)	-	(54.981.658.156)

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 68 Yersin – Thành phố Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 3: Tổng hợp ảnh hưởng của điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Điều chỉnh các sai sót	Số liệu sau điều chỉnh
CHỈ TIÊU			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40			
50	(10.657.954.919)	-	(10.657.954.919)
60	118.872.835.884	-	118.872.835.884
61	(56.233.988)	-	(56.233.988)
70	108.158.646.977	-	108.158.646.977

Nha Trang, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Handwritten signature

Huỳnh Ngọc Lệ Diễm
Kế toán trưởng

Handwritten signature

Huỳnh Trung Bình
Người lập biểu

Nguyễn Thành Chương
Tổng Giám đốc

